

Match the following names with the pictures:

Jīdàn  
鸡蛋

yáng  
羊

yóutiáo  
油条

shālā  
沙拉

zhōu  
粥

miàn tiáo  
面条

Jī ròu  
鸡肉

Niú ròu  
牛肉

bāozi  
包子

miànbāo  
面包

jī  
鸡

Yáng ròu  
羊肉

niú  
牛

